TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/KDTM-PT
Ngày: 24/4/2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý thị Đoàn

Các thẩm phán : Bà Trần Thanh Hải và ông Vũ Văn Túc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình**.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24 /4/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh mại phúc thẩm thụ lý số 01/2023/TLPT- KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc kiện Tranh chấp hợp đồng kinh tế. Do Bản án kinh doanh thương mại số 01/2022/KDTM-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐ-PT ngày 07/4/2023 giữa các đương sự.

**** Nguyên đơn: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V.***

Địa chỉ: Căn HP08 – 12 Khu đô thị Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung H – Giám đốc. (Có mặt)

**** Bị đơn: Công ty TNHH S Việt Nam.***

Địa chỉ: Khu công nghiệp G, xã Hòa Sơn, huyện G, tỉnh Hòa Bình.

Đại diện theo pháp luật: YACHI KAZUTO

Đại diện theo ủy quyền:

1/ Bà Trịnh Thị Minh, sinh ngày 08/3/1981. Chức vụ: Phó giám đốc (Có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị Thúy, sinh ngày 18/9/1998 (Vắng mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số: 02/2022/ALM – UQ ngày 20/9/2022).

**** Người làm chứng:***

1/ Công ty TNHH HC Đông Anh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L – Giám đốc. (Vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Thôn Cán Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

2/ Công ty TNHH sản xuất cơ điện và thương mại P.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Lê – Giám đốc. Vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: M08 – L14, khu biệt thự Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội.

3/ Công ty TNHH tư vấn xây dựng S.Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – Giám đốc. (Vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Số 6, nghách 562/5, phố Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

4/ Công ty TNHH B & B Việt Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh Đức – Giám đốc.(Vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Xóm 2, Đồng Nhân, Đồng La, Hoài Đức, TP Hà Nội

5/ Anh Nguyễn Văn Bắc – Chủ cửa hàng sắt mỹ thuật Xuân Bắc.(Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 12, tổ 7, khu Tân Mai, thị trấn Xuân Mai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

6/ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Kế toán trưởng Công ty TNHH S Việt Nam. (Có mặt).

7/ Ông Nguyễn Mạnh Cường – Phó giám đốc Công ty TNHH S Việt Nam. (Vắng mặt)

8/ Ông Trần Quang Hưng – Tổ trưởng tổ thiết bị Công ty TNHH S Việt Nam. (Vắng mặt)

Do có kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH S Việt Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung thể hiện như sau:

Nguyên đơn là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V trình bày:

Ngày 03/4/2019 Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V (viết tắt là Công ty V) có ký Hợp đồng kinh tế số 0304/2019/HĐKTVH – S giữa Công ty V với Công ty TNHH S Việt Nam (viết tắt là Công ty S) về dịch vụ sửa chữa, thay thế đường ống hút khói bằng vật liệu inox tại Xưởng số 1, khu lò nung và máy xay xỉ của Công ty S Việt Nam.Trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty V và Công ty S có hai thỏa thuận ngoài hợp đồng được thống nhất thực hiện:

Thỏa thuận 1: Việc không tính các chi phí nhân công và máy móc phục vụ công viêc tháo dỡ hệ thống hút khói cũ, bù lại Công ty V sẽ được thanh lý các vật liệu của hệ thống cũ còn tận dụng được và sử dụng vào công trình theo Hợp đồng số 0304/2019/HĐKTVH – S

Thỏa thuận 2: Công ty V đầu tư nhân công và máy móc để xây dựng một " nhà xưởng" chế tạo và lưu trữ các máy móc, thiết bị phục vụ công trình(nhà xưởng do Công ty V dựng lên 70m^2). Sau thời gian Công ty V sử dụng để thi công công trình của Công ty S trong thời gian 03 tháng, Công ty V sẽ để lại cho nhà máy sử dụng không tính chi phí nhân công và máy móc để dựng " nhà xưởng" nói trên.

Ngày 04/4/2019 công nhân và máy móc của Công ty V vào Công ty S để dựng " nhà xưởng" phục vụ công tác thi công sửa chữa. Ngày 07/4/2019 thì hoàn thành " nhà xưởng" phục vụ thi công.

Ngày 09/4/2019 Công ty Viêt Hùng vận chuyển máy móc và thiết bị để thi công công trình. Ngày 10/4/2019 cán bộ và công nhân của Công ty V thuê xe cẩu 50 tấn vào trong nhà xưởng để tháo dỡ hệ thống hút khói cũ, lắp đặtcác hệ thống giá treo các đường ống mới trong nhà xưởng 1. Vật tư vật liệu của công trình được chuyển đến để thi công các công việc theo hợp đồng số 0304/2019/HĐKTVH - S, vì số lượng lớn và cồng kềnh lên được chuyển làm nhiều chuyến xe ô tô. Cán bộ và công nhân Công ty V thi công liên tục đến ngày 16/4/2019, đã tiến hành xong việc đặt hàng hệ thống thiết bị phục vụ lắp đặt, thuê nhân công, thuê xe nâng, quá trình thi công đã tiến hành hàn và lắp đặt xong hệ thống giá treo, gia công xong hệ thống hút khói. Công ty V chưa thực hiện được việc lắp đặt hệ thống hút khói theo như bản vẽ thiết kế do ngày 16/4/2019 Công ty S yêu cầu dừng toàn bộ công trình với lý do là Công ty S Việt Nam thấy không còn nhu cầu và thấy không cần thiết (lý do được ghi rõ trong công văn gửi ngày 25/4/2019 của bà Trịnh Thị Minh). Thời điểm này Công ty V đã thực hiện được 70- 80% khối lượng công việc.

Ngày 17/4/2019 Công ty S gọi điện và yêu cầu Công ty V sáng ngày 18/4/2019 cử người đại diện theo pháp luật đến văn phòng Công ty S để họp và thương thảo về việc dừng hợp đồng.

Ngày 18/4/2019 Công ty V đại diện là ông Nguyễn Trung H – giám đốc, Công ty S đại diện là ông Mitake Yoshihiro (Phó giám đốc Công ty – được ủy quyền chịu trách nhiệm xử lý các công việc của Công ty S). Buổi họp còn có mặt những người cố vấn giúp việc cho ông Mitake là ông Nguyễn Mạnh Cường - Phó giám đốc Công ty S, ông Hưng tổ trưởng tổ thiết bị, bà Tính trợ lý và phiên dịch của ông Mitake.Nội dung buổi họp là: Công ty S yêu cầu dừng hợp đồng số 0304/2019/HĐKTVH - S vì xét thấy nhu cầu không cần thiết và muốn thương thảo giữa hai Công ty về việc các chi phí liên quan đến việc hủy hợp đồng. Công ty V tính toán các chi phí đã làm, đã đặt hàng, chi phí làm mới đường ống D600 theo đề nghị của Công ty S (không có trong hợp đồng) và chi phí bồi thường của Công ty V do bị dừng hợp đồng. Sau khi xem xét các nội dung thương thảo đền bù dừng hợp đồng và để không chịu phạt bồi thường hợp

đồng. Ông Mitake Yoshihiro đề xuất việc Công ty V làm đường ống D600 bằng inox 304 cho Công ty S thì Công ty S sẽ thanh toán cho Công ty V theo đúng giá trị hợp đồng trọn gói đã ký. Đại diện Công ty V đồng ý với với nội dung đề xuất trên của ông Mitake Yoshihiro và đề nghị Công ty S thực hiện việc ký kết các văn bản liên quan đến nghiệm thu và thanh lý hợp đồng.

Ngày 19/4/2019 theo đúng tinh thần thỏa thuận tại cuộc họp ngày 18/4/2019 hai Công ty đã ký kết văn bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Trong buổi họp đại diện Công ty V là ông Nguyễn Trung H, đại diện Công ty S là ông Mitake Yoshihiro – Phó giám đốc (người được ủy quyền) và ông Nguyễn Mạnh Cường - Phó giám đốc, ông Hưng - Tổ trưởng tổ thiết bị của Công ty S, bà Tính trợ lý và phiên dịch của ông Mitake Yoshihiro. Sau khi trình bày các nội dung của biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng hai bên đồng ý ký và sẽ làm việc trên tinh thần hỗ trợ công việc của nhau. Sau khi ký biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ngày 19/4/2019. Công ty V đã bắt tay vào việc làm đường ống inox304 D600 cả ngày và đêm để hoàn thành đúng theo yêu cầu của Công ty S. Ngày 22/4/2022 theo đúng yêu cầu của Công ty S thì Công ty V đã hoàn thành và bàn giao cho Công ty S đưa vào sử dụng đường ống inox304 D600. Cũng trong ngày 22/4/2019 Công ty V gửi đề nghị thanh toán theo đúng tinh thần cuộc họp ngày 18, 19/4/2019 nhưng Công ty S không thực hiện đúng như thỏa thuận. Chiều ngày 22/4/2019 bà Trịnh Thị Minh - Phó giám đốc Công ty S gọi điện thoại về việc muốn thỏa thuận lại nhưng Công ty V không đồng ý.Trưa ngày 25/4/2019 bà Trịnh Thị Minh có gọi điện cho ông Nguyễn Trung H thông báo việc ông Mitake Yoshihiro không có thẩm quyền được ký văn bản thanh lý hợp đồng số 0304/2019/HĐKTVH - S ngày 03/4/2019 với lý do là chưa được bổ nhiệm. Cũng trong ngày 25/4/2019 bà Trịnh Thị Minh gửi công văn hỏa tốc tới địa chỉ Công ty V về việc yêu cầu dừng thi công và yêu cầu Công ty V ngày 03/5/2019 đến để họp giải quyết việc dừng hợp đồng.

Sáng ngày 03/5/2019 đại diện hai Công ty đã có buổi làm việc về tính pháp lý của các văn bản đươc ký ngày 19/4/2019, theo phía Công ty S là không có giá trị và nếu có thì là trách nhiệm cá nhân của ông Mitake Yoshihiro.Chiều ngày 03/5/2019 bà Trịnh Thị Minh gửi mail và gọi điện thoại thông báo là do nhầm lẫn nên không biết là ông Mitake Yoshihiro đã có văn bản ủy quyền được ký ngày 16/4/2019 và ngày được ủy quyền là ngày 20/4/2019.

Theo Công ty V thì ông Mitake Yoshihiro nhận thức rất rõ việc ông được ký và không ký những văn bản nào trong thời gian nào. Theo như Công ty V đươc biết thì ủy quyền bàn giao công việc và ủy quyền của ông Shige Matsu Ko (giám đốc cũ) cho ông Mitake Yoshihiro ký trước ngày 18/4/2019 và giao cho bà Trịnh Thị Minh nắm giữ để xử lý các vấn đề liên quan, văn bản này được gửi cho các cơ quan như: cơ quan thuế tỉnh Hòa Bình. Việc bà Trịnh Thị Minh và

ông Mitake Yoshihiro đưa ra văn bản ủy quyền với ngày được ủy quyền là ngày 20/4/2019 là nhằm chối bỏ trách nhiệm và lật lọng trong việc đã ký các văn bản đồng ý thanh quyết toán theo đúng hợp đồng đã ký kết. Đồng thời trong việc làm này thể hiện rõ ý định của Công ty S lừa cho Công ty V làm đường ống D600 bằng inox. Sau đó chối bỏ và không thực hiện đúng thỏa thuận đã cam kết.

Ngày 06/5/2019 Công ty V gửi công văn thông báo cho Công ty S về việc phối hợp thực hiện việc giao hàng theo văn bản đã ký kết. Thời gian giao hàng vào ngày 09/5/2022.

Ngày 08/5/2019 Công ty V gửi công văn số 70/2019/VH cho ông Mitake Yoshihiro đề nghị làm rõ vấn đề ủy quyền.

Ngày 09/5/2019 Công ty V vận chuyển thiết bị và vật tư còn tH lên theo đúng tinh thần văn bản quyết toán đã ký, thì bà Trịnh Thị Minh chỉ đạo nhân viên không nhận và không cho xe hàng của Công ty V vào giao hàng.Kể từ thời gian đó đến nay, Công ty V phải thuê kho để những vật tư thiết bị trên.Công ty V thuê kho của anh Nguyễn Văn Bắc ở Số nhà 12, tổ 7, khu Tân Mai, thị trấn Xuân Mai, thị trấn Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Ngày 13/5/2019 Công ty S có công văn số 25/2019/ALM phúc đáp công văn số 70/2019/VH, nội dung công văn về việc xác nhận ủy quyền. Ngày 13/5/2019 Công ty V gửi Công văn số 72/2019/VH yêu cầu Công ty S thanh toán các chi phí làm đường ống inox D600 phát sinh không làm trong hợp đồng.

Ngày 14/5/2019 Công ty S có công văn về việc không thanh toán theo hợp đồng đã ký và không thanh toán chi phí làm đường ống inox D600. Công ty S tự đưa ra con số và đề nghị Công ty V chấp nhận. Công ty V không đồng ý và kiên quyết kiện ra tòa để đòi lại công bằng và các thiệt hại do Công ty S gây ra.

Những hành vi này của Công ty S hoàn toàn vi phạm hợp đồng, trái luật và gây thiệt hại cho Công ty V. Theo Công ty S ông Mitake Yoshihiro không có ủy quyền vào ngày 19/4/2019 nhưng lại ký các văn bản thanh lý hợp đồng vào ngày này là không là hợp pháp, tuy nhiên thực tế kể từ ngày 16.4.2019 ông ShigeiMatsu Ko –giám đốc của Công ty S đã thôi việc và bàn giao toàn bộ công việc, hồ sơ Công ty S cho ông Mitake Yoshihiro – Phó giám đốc kế nhiệm.

Mặc dù Công ty V đã thiện chí giải quyết và tạo điều kiện nhưng Công ty S vẫn không hợp tác, thực hiện nghĩa vụ của mình cũng như khắc phục các sai phạm, không thiện chí giải quyết không trả cho Công ty V số tiền còn lại là 1.029.215.000 đồng theo hợp đồng ký kết số 0304/2019/HĐKTVH – S ngày 03/4/2019 giữa Công ty V với Công ty S về việc thi công sửa chữa thay thế hệ thống đường ống khói bằng vật liệu inox 304 với tổng giá trị 2.058.430.000 đồng (đã thanh toán trước 50% vào ngày 03/4/2019)

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2019 Công ty V yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận hiệu lực của: Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 19/4/2019; Bảng quyết toán ngày 19/4/2019; Thanh lý hợp đồng ngày 19/4/2019
- Buộc Công ty TNHH S Việt Nam phải thanh toán một lần cho Công ty V số tiền quyết toán còn lại 1.029.215.000 đồng theo hợp đồng ký kết số 0304/2019/HĐKTVH – S ngày 03/4/2019 giữa Công ty V với Công ty S Việt Nam.
- Công ty TNHH S Việt Nam phải trả cho Công ty V số tiền 300.000.000 đồng lắp đặt thêm theo yêu cầu của Công ty S Việt Nam.

Tại bản tự khai đề ngày 05/8/2022 và tại phiên tòa Công ty V rút yêu cầu buộc Công ty S phải trả số tiền 300.000.000 đồng để làm đường ống inox D600.

Tại bản tự khai đề ngày 20/10/2022 và tại phiên tòa Công ty V rút yêu cầu về việc đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực của ba văn bản: Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 19/4/2019; Bảng quyết toán ngày 19/4/2019; Thanh lý hợp đồng ngày 19/4/2019. Đồng thời thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty S phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty V số tiền bồi thường tương ứng với 50% giá trị còn lại của hợp đồng kinh tế số 0304 là: 1.029.215.000 đồng vì Công ty S đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế gây thiệt hại cho Công ty V.

Bị đơn- Công ty TNHH S Việt Nam bà Trịnh Thị Minh và bà Nguyễn Thị Thúy trình bày:

Đối với yêu cầu "Đề nghị Tòa án công nhận hiệu lực của Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 19/4/2019; Bảng quyết toán ngày 19/4/2019 và Thanh lý hợp đồng ngày 19/4/2019. Công ty TNHH S Việt Nam (viết tắt là Công ty S) cho rằng yêu cầu trên là không có cơ sở vì :

Thứ nhất: Các văn bản trên đều được ký xác nhận bởi ông Mitake Yoshihiro - hiện là người đại diện theo pháp luật của Công ty S Việt Nam. Tuy nhiên tại thời điểm ý kết các văn bản trên, ông Mitake Yoshihiro không phải là người đại diện theo pháp luật của Công ty S Việt Nam và cũng chưa được người có thẩm quyền của Công ty S ủy quyền thực hiện bất cứ hoạt động nào nhân danh Công ty S. Do đó, các văn bản do ông Mitake Yoshihiro ký tại thời điểm này đều không có hiệu lực pháp lý.

Thứ hai: Toàn bộ nội dung các văn trên đều không thể hiện đúng bản chất và diễn biến thực tế của sự việc. Trên thực tế mặc dù hai bên đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 0304/2019/HĐKTVH - S (sau đây gọi tắt là hợp đồng) và Công ty S đã tiến hành thanh toán toàn bộ khoản tiền tạm ứng theo đúng nội dung của hợp đồng. Tuy nhiên tính đến ngày 19/4/2019, Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Thương mại V (viết tắt là Công ty V) vẫn không thực hiện việc thi công theo đúng nội dung của hợp đồng đã ký kết. Cụ thể:

- Công ty V không cung cấp được cho Công ty S bản vẽ thi công chi tiết, đầy đủ và đạt yêu cầu chất lượng. Toàn bộ bản vẽ thi công của nguyên đơn

không đủ thông số kỹ thuật chi tiết để tiến hành thi công một cách đầy đủ đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, Công ty chúng tôi không thể sử dụng bản vẽ này để bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống sau này, vì không có bản vẽ kỹ thuật chi tiết.Không những thế bản vẽ còn chưa được phê duyệt bởi người có thẩm quyền của chủ đầu tư, vi phạm điều 2 – Yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng.

- Mặc dù tH bản vẽ thi công chi tiết được phê duyệt bởi đại diện của Công ty S, Công ty Viêt Hùng vẫn tiến hành việc thi công. Quá trình thi công Công ty V tiếp tục không đáp ứng được bất cứ yêu cầu nào của Công ty S về việc cung cấp thông tin về biện pháp thi công, biện pháp an toàn lao động, hồ sơ chứng minh năng lực của cán bộ thi công, vi phạm quy định tại Điều 2 – Yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng. Ngày 18/4/2019, nhận thấy việc thi công và đảm bảo an toàn lao động trong thi công có quá nhiều rủi ro, được tiến hành khi chưa có bất cứ sự phê duyệt nào của đại diện Công ty S, Công ty S đã yêu cầu Công ty V dừng triển khai việc thi công công trình.

Như vậy Công ty V đã tiến hành thi công mà không có bản thiết kế thi công chi tiết, phương án tiến hành thi công, quy trình, tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật được đại diện của chủ đầu tư phê duyệt. Do đó công trình thi công không thể được hoàn thiện và lại càng không thể được tiến hành nghiệm thu, bàn giao để đưa vào sử dụng. Vì vậy việc ký kết các văn bản ngày 19/4/2019 là vô lý, không phản ánh đúng thực tế sự việc.

Thứ 3: Tại thời điểm ký xác nhận vào các văn bản nêu trên, khi làm việc với Công ty V liên quan đến việc dừng thi công dự án sửa chữa thay thế hệ thống đường ống khói bằng vật liệu inox 304 theo hợp đồng kinh tế số 0304.HĐKTVH - S ngày 03/4/2019, ông Mitake Yoshihiro vừa mới được cử sang Việt Nam làm việc và chưa hiểu hết được nội dung của hợp đồng, bản thân ông là người nước ngoài không hiểu tiếng Việt, giải thích của nguyên đơn mập mờ không rõ ràng, dẫn đến việc ông Mitake Yoshihiro không hiểu bản chất nội dung và các giấy tờ mà Công ty V đã chuẩn bị. Lợi dụng điều đó, Công ty V đã chuẩn bị sẵn các giấy tờ trên để nhằm lừa gạt và yêu cầu ông Mitake Yoshihiro ký. Bản thân nguyên đơn biết rằng công trình chưa hoàn thành, tại sao vẫn yêu cầu ông Mitake Yoshihiro ký vào biên bản nghiệm thu để đưa công trình vào sử dụng và thanh lý hợp đồng, điều đó là sự lừa gạt trắng trợn.Bằng chứng là công trình còn đang dang dở chưa hoàn thành hoàn toàn có thể kiểm chứng bởi hiện trường thực tế tại Công ty S, hiện tại còn có vật liệu xây dựng do Công ty V vứt lỏng chỏng, ngổn ngang tại hiện trường.

* Đối với yêu cầu: Buộc Công ty S thanh toán một lần cho Công ty V toàn bộ số tiền quyết toán còn lại: 1.029.215.000 đồng, sau này là yêu cầu bồi thường số tiền tương ứng với 50% giá trị còn lại của hợp đồng là: 1.029.215.000 đồng

do Công ty S đơn phương chấm dứt hợp đồng và số tiền làm đường inox D600. Công ty S cho rằng yêu cầu trên là không có cơ sở vì những lý do sau đây:

Thực hiện hợp đồng kinh tế số 0304/2019/HĐKTVH – S ngày 03/4/2019 giữa hai bên. Công ty S đã thanh toán cho Công ty V 50% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng. Tuy nhiên quá trình thi công, Công ty V đã thực hiện nhiều hành vi vi phạm hợp đồng, buộc Công ty S Việt Nam phải quyết định cho dừng thi công khi công trình vẫn chưa được hoàn thành, cụ thể như:

- Bản vẽ thi của nguyên đơn không đủ thông số kỹ thuật chi tiết để tiến hành thi công một cách đầy đủ, không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tối thiểu. Công ty S không thể sử dụng bản vẽ này để bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống sau này, chưa được phê duyệt bởi người có thẩm quyền của chủ đầu tư vi phạm điều 2 – Yêu cầu kỹ thuật của hợp đồng. Nguyên đơn làm được điều này là bởi vì là vì nguyên đơn có mối quan hệ mật thiết với giám đốc trước đây của Công ty S là ông Shigematsu Ko nên dễ dàng thực hiện dự án nhằm bòn rút tiền của Công ty (bất cứ sự can thiệp chuyên môn của các kỹ sư tổ thiết bị đều không được chấp nhận).

- Trong quá trình thi công nguyên đơn không cung cấp phương án thi công chi tiết, danh sách trích ngang và trình độ chuyên môn của cán bộ nhân viên trực tiếp thi công, các thiết bị đưa vào thi công không có hồ sơ kiểm định kỹ thuật an toàn. Trong khi tiến hành kiểm tra chúng tôi phát hiện tại hiện trường nhiều vi phạm về an toàn lao động, nguy cơ xảy ra tai nạn lao động là rất cao.Rút kinh nghiệm từ vụ tai nạn chết người nghiêm trọng xảy ra tại Công ty mà đơn vị thi công là Công ty V vào ngày 14/6/2018**,** cán bộ lao động của Công ty chúng tôi đã nhiều lần xuống hiện trường nhắc nhở và đề nghị nguyên đơn có các biện pháp thi công an toàn đồng thời cung cấp các hồ sơ liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm ngày 25/4/2019 nguyên đơn vẫn không cung cấp được hồ sơ, hành động này vi phạm khoản 4.2 Điều 4 của hợp đồng.

- Dưới thời ông Shigematsu Ko, có rất nhiều công trình sửa chữa lớn nhỏ đã được thực hiện bởi Công ty V với chất lượng thi công không được đảm bảo. Chỉ trong một thời gian ngắn, Công ty chúng tôi đã phải sửa chữa lại gây nên tổn thất lớn cho Công ty. Điển hình là dự án thi công nhà kho chứa xi và hệ thống hút khói lọc bụi tại kho này nghiệm thu tháng 7/2015, sử dụng chưa bao lâu thì ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh nên Công ty chúng tôi buộc phải dừng hoạt động và thanh lý hệ thống gây tổn thất cho Công ty 813.625.000 đồng. Điều này thể hiện Công ty V không đủ năng lực chuyên môn để thực hiện các dự án thi công nhưng vẫn được lựa chọn làm nhà thầu thi công các công trình của Công ty S vì có quan hệ với giám đốc cũ Shigematsu Ko, gây tổn thất nặng nề cho Công ty.

- Công ty S trên bờ vực phá sản do các dự án đầu tư sửa chữa không hiệu quả nên Công ty TNHH S Việt Nam đã sa thải ông Shigematsu Ko và yêu cầu dừng thi công dự án (Thông báo số 18/2019/ALM ngày 25/4/2019). Trước khi gửi Công văn yêu cầu dừng dự án, Công ty có thông báo bằng điện thoại cho nguyên đơn đề nghị không tiếp tục cung cấp bất kỳ nguyên vật liệu nào để hai bên tiến hành kiểm kê thực tế tại hiện trường và xác nhận lại giá trị các hạng mục đã hoàn thành. Tuy nhiên nguyên đơn không hợp tác. Vì lý do trên nên Công tyS đã chủ động tiến hành kiểm đếm vật tư xác định giá trị các hạng mục đã hoàn thành, theo bảng kê này thì số tiền mà Công ty S còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 180.073.000 đồng, chứ không thể là 1.029.215.000 đồng. Công ty V yêu cầu Công ty S bồi thường số tiền tương ứng với 50% giá trị còn lại của hợp đồng 0304 do bị thiệt hại vì Công ty S Việt Nam đơn phương chấm dứt hợp đồng là không có căn cứ**.** Công ty S đã gửi bảng quyết toán cho nguyên đơn kèm theo Công văn số 19/2019/ALM ngày 04/5/2019 và yêu cầu nguyên đơn xác nhận để Công ty S có cơ sở thanh toán nốt số tiền nói trên.Tuy nhiên nguyên đơn vẫn ngoan cố đòi tiếp tục tập kết nguyên liệu và tiếp tục thi công công trình. Cụ thể như sau:

+ Ngày 06/5/2019 nguyên đơn gửi văn bản số 69/2019 đề nghị tiếp tục cung cấp vật tư để thi công.

+ Ngày 08/5/2019 Công ty S có công văn số 24/2019/ALM phúc đáp lại văn bản số 64/2019, yêu cầu nguyên đơn không được tiếp tục tập kết nguyên vật liệu vào hiện trường trong khi các khúc mắc giữa hai bên chưa được giải quyết.

+ Ngày 10/5/2019, Công ty S nhận được văn bản số 70/2019/VH ngày 08/5/2019 của nguyên đơn, yêu cầu Công ty S xác nhận thông tin đại diện theo pháp luật.

+ Ngày 13/5/2019 Công ty S gửi văn bản số 25/2019/ALM để trả lời công văn số 70/2019/VH của nguyên đơn trong đó khẳng định rõ một lần nữa rằng đến thời điểm ngày 19/4/2019 ông Mitake Yoshihiro vẫn chưa phải là đại diện theo pháp luật của Công ty S Việt Nam theo giấy ủy quyền.

+ Ngày 13/5/2019 sau khi nhận được văn bản trả lời số 25/2019/ALM, Công ty V đã nhượng bộ bằng cách ra văn bản số 72/2019/VH ngày 13/5/2019, theo đó thay vì yêu cầu Công ty S Việt Nam trả nốt số tiền 1.029.215.000 đồng. Việc làm đường ống inox D600 không được thỏa thuận trong bất kỳ văn bản nào, hợp đồng nào giữa hai công ty. Do đó yêu cầu Công ty S Việt Nam thanh toán số tiền 300.000.000 đồng, tiền thanh toán làm đường ống này là không có căn cứ. Công ty chúng tôi không có trách nhiệm phải chi trả khoản tiền này.

Việc đình chỉ dự án khi biết dự án thi công không đảm bảo an toàn và biết rõ dự án sẽ không mang lại hiệu quả cho nhà đầu tư là hiển nhiên. Đối với những dự án bị đình chỉ thi công như vậy thì chủ đầu tư có quyền buộc đơn vị

thi công phải hoàn trả lại mặt bằng thi công ban đầu mà không phải tính thêm bất cứ chi phí phát sinh nào.

Tuy nhiên Công ty S trên tinh thần hợp tác nhất có thể, mặc dù dự án chưa hoàn thành vẫn thanh toán đủ chi phí nhân công như trong hợp đồng đã ký

Ngoài ra nhiều nguyên liệu do nguyên đơn tập kết không đúng chủng loại kích thước so với hợp đồng, khi bị nhân viên kỹ thuật của Công ty S phát hiện thì nguyên đơn cho phá bỏ và thay thế bằng các nguyên liệu khác, các đường ống bị nguyên đơn phá hỏng do không đúng tiêu chuẩn, quy cách công ty S vẫn tính và đưa vào bảng kê để thanh toán.

Quá trình giải quyết ngày 02/8/2019 Công ty S Việt Nam có đơn phản tố **:** trong đó ngoài những việc trình bày không đồng ý với các yêu cầu trong đơn khởi kiện của nguyên đơn - Công ty V thì Công ty S Việt Nam còn trình bày Công ty V đã lợi dụng mối quan hệ thân thiết với giám đốc trước là ông Shigematsu Ko để cung cấp dịch vụ thuê xe chở cán bộ nhân viên Công tyS với mức giá quá cao, không những thế, Công ty Viêt Hùng còn khai khống số km thực tế để rút tiền của Công ty S. Mặc dù cán bộ hành chính Công ty S đã phát hiện và yêu cầu nguyên đơn điều chỉnh số km để giảm chi phí thì bị giám đốc Công ty S quát mắng và tỏ thái độ không đồng ý và gây áp lực cho nhân viên, nên việc làm sai trái của nguyên đơn vẫn tiếp diễn cho đến khi có ông Mitake Yoshihiro được bổ nhiệm trở thành giám đốc mới của Công ty Almie Việt Nam.Về vấn đề này Công ty S đã gửi Công văn số 36/2019/ALMV ngày 01/7/2019 yêu cầu nguyên đơn hoàn trả số tiền chi phí thuê xe bị tính vượt trội so với thực tế từ tháng 12/2016 đến tháng 03/2019 với số tiền yêu cầu hoàn trả là 315.898.800đồng và đề nghị khấu trừ số tiền này với tổng số tiền mà Công ty S còn phải thanh toán với dự án sửa chữa hệ thống đường khói bị đình chỉ nói trên. Theo công văn này Công ty V sẽ hoàn trả số tiền 315.898.800 – 180.073.000 = 135.825.800 đồng cho Công ty S Việt Nam.

Sau đó tại bản tự khai ngày 21/10/2019 cũng như tại phiên tòa Công ty S Việt Nam vẫn giữ nguyên quan điểm đối với các yêu cầu khởi kiện của Công ty V là không đồng ý và nêu rõ lý do của việc không đồng ý. Tuy nhiên đối với yêu cầu phản tố Công ty S Việt Nam trình bày sau khi tính toán lại số tiền lạm thu của Công ty V đối với hai xe 07 chỗ và 16 chỗ từ tháng 12/2016 đến tháng 03/2019 thì Công ty S Việt Nam yêu cầu Công ty V hoàn trả số tiền 168.724.000 đồng và đề nghị khấu trừ số tiền này với số tiền mà Công ty S còn phải thanh toán đối với hệ thống sửa chữa đường khói bị đình chỉ nói trên. Như vậy số tiền mà Công ty S Việt Nam còn phải trả cho Công ty V là: 180.073.000 - 168.724.000 = 11.394.000 đồng cho Công ty V.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty S: Công ty V không đồng ý với yêu cầu phản tố của Công ty S vì theo như hợp đồng và quy trình thực hiện thanh toán

của Công ty TNHH S, Công ty V hoàn toàn đáp ứng đầy đủ về thời gian cũng như số km, hàng tháng vào thời gian cuối tháng, các lái xe của Công ty V nộp bảng lịch trình xe cho kế toán của Công ty V làm bảng kê để gửi đến Công ty S, trong bảng lịch trình xe có ghi rõ thời gian, địa điểm đón trả, có xác nhận của các cán bộ Công ty S sử dụng ký nhận. Sau khi hoàn thành bằng tổng hợp lịch trình xe, kế toán của Công ty V sẽ gửi cho Công ty S để kiểm tra và xác nhận. Sau khi Công ty S kiểm tra và xác nhận rồi gửi lại cho Công ty V, Công ty V xuất hóa đơn và Công ty S thanh toán. Tất cả các bước quy trình trên đều thực hiện đúng theo yêu cầu của Công ty S. Tại thời điểm này Công ty S đưa ra vấn đề này nhằm mục đích kéo dài sự việc để che dấu hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Công ty V trong việc đơn phương hủy hợp đồng và lừa cho Công ty V làm đường ống D600.

Người làm chứng:

** Ông Nguyễn Mạnh Cường - Phó giám đốc Công ty S trình bày:* Ông có tham gia làm việc với Công ty V ngày 19/4/2019, khi đó ông H – giám đốc Công ty V đã đồng ý dừng lại dự án làm mới đường ống khói với Công ty S Việt Nam. Hai bên thống nhất kiểm kê tất cả số lượng vật tư mà Công ty V đã mang đến để Công ty S Việt Nam thanh toán số tiền vật tư đó theo hợp đồng đã ký kết trước đó. Nhưng sau đó Công ty V không đến làm việc như đã thỏa thuận. Đường ống D600 Công ty V lắp trả như cũ để đảm bảo sản xuất cho Công ty S chứ không phải làm mới.

** Ông Trần Quang Hưng - tổ trưởng tổ thiết bị Công ty S trình bày:* Ông tham gia làm việc với Công ty V ngày 18, 19/4/2019 với tư cách là người giám sát, nội dung cuộc họp đã lâu ông không còn nhớ nhiều. Ông cho biết đường ống Inox cũ của Công ty S được Công ty V tháo xuống sửa chữa lại và lắp lại với sự đồng ý của giám đốc Shige Matsu Ko. Tại buổi làm việc ông có trao đổi với ông H – giám đốc Công ty V và ông H đồng ý cho Công ty S thanh toán theo số lượng thực tế dựa theo bảng kê. Tuy nhiên khi kiểm đếm thì anh H lại bỏ về không đi kiểm số lượng ống còn lại mà Công ty V đã mang đến.

** Đại diện Công ty TNHH HC Đông Anh (viết tắt là Công ty HC Đông Anh) trình bày:* Ngày 05/4/2019 Công ty HC Đông Anh có ký với Công ty V hợp đồng mua bán vật tư inox số 0504/HĐMB/2019 trị giá 1.245.360.000 đồng. Công ty HC Đông Anh đã giao toàn bộ số vật tư theo như hợp đồng đã ký cho Công ty V và Công ty V đã thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Công ty HC Đông Anh. Tuy nhiên hợp đồng này giữa hai công ty được ký kết đã lâu, các giấy tờ liên quan đến việc thanh toán, hóa đơn chứng từ do kế toán thuế thực hiện và lưu trữ, kế toán thế không có nhà nên không cung cấp những giấy liên quan cho Tòa án được.

** Đại diện Công ty TNHH tư vấn xây dựng S (viết tắt là Công ty S) trình bày:* Công ty S có ký với Công ty V hợp đồng số 0504/2019HĐNC – VH_SP ngày 05/4/2019 về việc thuê khoán nhân công để thực hiện công việc thi công lắp ráp và chế tạo cơ khí theo như bản vẽ hệ thống đường ống hút khói bằng inox 304 tại nhà máy S Việt Nam trị giá 95.000.000 đồng.Dù công việc chưa được hoàn thành hết nhưng không phải lỗi của Công ty S nên Công ty V đã thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng cho Công ty.

Đại diện Công ty TNHH sản xuất cơ điện và thương mại P (gọi tắt là Công ty P) trình bày: Công ty P có ký với Công ty V hợp đồng mua bán hàng hóa số 10042019/HĐKT - PL ngày 10/4/2019 trị giá 136.213.000 đồng. Công ty P đã bàn giao toàn bộ số hàng hóa như hợp đồng đã ký kết và Công ty V đã thanh toán hết tiền cho Công ty P.

** Đại diện Công ty TNHH thiết bị B&B Việt Nam (gọi tắt là Công ty B&B) trình bày*: Công ty B &B có ký với Công ty V hợp đồng kinh tế về việc cho thuê xe nâng người GS 3246 trị giá 66.000.000đồng. Công ty V mới thanh toán cho Công ty B &B số tiền 17.600.000 đồng.

** Anh Nguyễn Văn Bắc trình bày:* Ngày 09/5/2019 anh có cho anh Nguyễn Trung H thuê kho chứa vật liệu inox với giá 3.500.000 đồng/tháng, thuê trong thời hạn 05 tháng, anh H đã trả hết tiền thuê.Hết thời hạn thuê kho, anh không liên lạc được với anh H, anh cũng để thêm vài tháng nữa nhưng vẫn không thấy anh H liên lạc lại. Thời gian đó anh nhập nhiều hàng để cho công nhân làm nên nhà kho hết chỗ chứa đồ, vật liệu anh H gửi trong nhà kho bị xuống cấp nên anh đã bán những vật liệu này cho một người bán đồng nát không quen biết với giá 30.000.000 đồng. Số tiền này khi anh H liên lạc lại anh đã trao đổi với anh H và gửi lại anh H số tiền này.

** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng* – kế toán trưởng Công ty S trình bày: Việc chốt số km xe hàng ngày giữa Công ty V với Công ty S là của phòng nhân sự. Khi nộp cho bà những giấy tờ liên quan đến dịch vụ thuê xe giữa hai Công ty để thanh toán tiền xe hàng tháng cho Công ty V bà có nghe bà Thanh trưởng phòng nhân sự phàn nàn sự không hợp lý về số km trong lịch trình Hà Nội - Hòa Bình - Hà Nội. Tuy nhiên các giấy tờ thanh toán hợp lệ nên bà vẫn thanh toán tiền xe cho Công ty V hàng tháng, bà nghe bà Thanh kể là có một lần bà Thanh phản ánh sự việc này với giám đốc Shigematsu Ko nhưng bị giám đốc quát mắng.Việc tính toán số km vượt trội của Công ty V là dựa trên số km thực tế từ Hà Nội – Hòa Bình – Hà Nội có tính đến số km phụ trội do tắc đường đi đường vòng…là khoảng 20km/ngày để đưa ra số tiền Công ty V hoàn trả lúc đầu là 315.898.800 đồng, sau này là 168.724.000 đồng.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/8/2022: Tài sản trong Hợp đồng kinh tế số 0304 ngày 03/4/2019 là hạng mục thi công, sửa chữa, thay thế

trong hệ thống đường ống hút khói bằng vật liệu inox 304 tại các vị trí phát sinh khói bụi xưởng 1 khu vực lò nung và máy xay xỉ được thực hiện tại Công ty S hiện không còn trên thực tế.

Tại bản án KDTM sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Hòa Bình Quyết định:

Căn cứ vào Điều 297, 302, Điều 303 Luật thương mại; Điều 410,413, 428, Điều 513, Điều 515, Điều 517 BLDS 2015; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 229, Điều 147, 217 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty đầu tư xây dựng và thương mại V

- Buộc Công ty TNHH S Việt Nam phải thanh toán cho Công ty đầu tư xây dựng và thương mại V số tiền: 950.815.000 đồng.

- Đình chỉ yêu cầu: Về việc đề nghị Toà án công nhận hiệu lực của các Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 19/4/2019, Bảng quyết toán ngày 19/4/2019, Thanh lý HĐ ngày 19/4/2019 của Công ty V.

- Đình chỉ yêu cầu: Về việc buộc Công ty S thanh toán số tiền làm đường ống inox 304 D600 là 300.000.000 đồng của Công ty V.

- Bác yêu cầu phản tố của Công ty TNHH S Việt Nam buộc Công ty V trả số tiền tính khống số kilomet thực tế đối với 02 xe ô tô 7 chỗ và 16 chỗ từ tháng 12/2016 đến tháng 3/2019 và yêu cầu hoàn trả là 168.724.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo bản án của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 22 tháng 2 năm 2022 công ty TNHH SViệt Nam có đơn kháng cáo toàn bộ bản án KDTM sơ thẩm số 01 ngày 16/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lương và yêu cầu:

- Cấp phúc thẩm xét xử vụ án công tâm có xem xét đến các tình tiết bổ Sung mà nhân chứng của bị đơn đã khai báo trước Tòa.

- Nguyên đơn cung cấp toàn bộ hợp đồng mua bán, hóa đơn hồ sơ chứng từ thanh toán, bảng kê khối lượng, chủng loại đơn giá của từng loại vật tư nguyên vật liệu phục vụ cho việc thi công dự án theo hợp đồng số 0304/2019.

- Nguyên đơn cung cấp hóa đơn hồ sơ thanh toán tiền công nhân tiền thuê máy móc thiết bị phục vụ thi công của dự án.

- Áp giá thị trường đối với nguyên vật liệu mua mới mà tính lại số tiền mà chủ cửa hàng sắt đã bán nguyên vật liệu của nguyên đơn dưới dạng phế liệu để làm căn cứ trừ vào số tiền mà AL mine Việt Nam phải thanh toán cho công ty V.

- Công ty V cung cấp giấy chứng nhận ĐKKDcủa công ty S để chứng minh công ty này mới thành lập chưa hề có kinh nghiệm đã được thực hiện dự án tại

Amine Việt Nam để chứng minhminh mối quan hệ giữa công ty S với ông ShiGematsu Ko.

- Xuất trình chứng minh thư nhân dân của người đại diện theo pháp luật của công Ty S, giấy đăng ký kết hôn của Nguyễn Trung H để xác minh giữa người đại diện theo pháp luật của công ty S và ông Nguyễn Trung H là 2 vợ chồng.

- Nguyên đơn cung cấp hóa đơn tài chính cho lần tạm ứng 50%giá trị của hợp đồng và hóa đơn thanh toán bổ xung nếu có.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

1. Nguyên đơn là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V và bị đơn là Công ty TNHH S Việt Nam thống nhất thoả thuận:

- Công ty TNHH S Việt nam phải thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V số tiền: 450.000.000 đồng *(bốn trăm năm mươi triệu đồng).*

- Vào ngày 10 tháng 5 năm 2023 Công ty TNHH S Việt Nam có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V số tiền trên, trước ngày 10/5/2023 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V sẽ xuất hóa đơn tài chính cho Công ty TNHH S Việt Nam với số tiền bao gồm: 50% giá trị hợp đồng kinh tế mà công ty S Việt Nam đã thanh toán là 1.029.215.000 đồng *(một tỉ, không trăm hai mươi chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng)* và số tiền còn lại là 450.000.000 đồng *(bốn trăm năm mươi triệu đồng)*, tổng là 1.479.215.000 đồng *(một tỉ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng).*

- Về án phí: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V, Công ty TNHH S Việt nam mỗi bên phải chịu 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Bị đơn là Công ty TNHH S Việt Nam rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V trả số tiền tính khống số Kilomet thực tế đối với 02 xe ô tô 7 chỗ và 16 chỗ từ tháng 12/2016 đến tháng 3/2019 và yêu cầu hoàn trả 168.724.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung, đề nghị Toà án công nhận sự thoả thuận của các đương sự và sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 16/12/2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Hoà Bình theo hướng thoả thuận của các đương sự, đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH S Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn là Công ty TNHH S Việt Nam trong thời gian luật định và hợp lệ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Nguyên đơn là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V tự nguyện rút yêu cầu:

+ Tòa án công nhận hiệu lực của các biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 19/4/2019, bảng quyết toán ngày 19/4/2019, thanh lý Hợp đồng ngày 19/4/2019.

+ Buộc Công ty TNHH S thanh toán số tiền làm đường ống inox 304 D600 là 300.000.000 đồng.

Đây là sự tự nguyện của đương sự, nên cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu này là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn là Công ty TNHH S Việt Nam rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V trả số tiền tính khống số Kilomet thực tế đối với 02 xe ô tô 7 chỗ và 16 chỗ từ tháng 12/2016 đến tháng 3/2019 và yêu cầu hoàn trả 168.724.000 đồng.

Việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn là Công ty TNHH S Việt Nam là tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ việc giải quyết đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNHH S Việt Nam.

[2.3] Nguyên đơn là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V và bị đơn là Công ty TNHH S Việt Nam thống nhất thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Công ty TNHH S Việt nam phải thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V số tiền: 450.000.000 đồng *(bốn trăm năm mươi triệu đồng).*

+ Vào ngày 10 tháng 5 năm 2023 Công ty TNHH S Việt nam có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V số tiền trên, trước ngày 10/5/2023 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V sẽ xuất hóa đơn tài chính cho Công ty TNHH S Việt Nam với số tiền bao gồm: 50% giá trị hợp đồng kinh tế mà công ty S Việt Nam đã thanh toán là 1.029.215.000 đồng *(một tỉ, không trăm hai mươi chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng)* và số tiền còn lại là 450.000.000 đồng *(bốn trăm năm mươi triệu đồng)*, tổng là 1.479.215.000 đồng *(một tỉ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng).*

+ Về án phí: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V, Công ty TNHH S Việt Nam mỗi bên phải chịu 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên có căn cứ để Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận trên của các đương sự. Đây là sửa khách quan.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V, Công ty TNHH S Việt nam mỗi bên phải chịu 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty TNHH S Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố cấp sơ thẩm bác yêu cầu.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Người kháng cáo là Công ty TNHH S Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 16/12/2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Hoà Bình, cụ thể:

[1] Đình chỉ yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V về việc yêu cầu Toà án công nhận hiệu lực của các Biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng ngày 19/4/2019, Bảng quyết toán ngày 19/4/2019, Thanh lý HĐ ngày 19/4/2019.

[2] Đình chỉ yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH S Việt Nam thanh toán số tiền làm đường ống inox 304 D600 là 300.000.000 đồng.

[3] Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH S Việt Nam về việc yêu cầu buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V trả số tiền tính khống số kilomet thực tế đối với 02 xe ô tô 7 chỗ và 16 chỗ từ tháng 12/2016 đến tháng 3/2019 và yêu cầu hoàn trả là 168.724.000 đồng.

[4] Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm:

- Công ty TNHH S Việt nam phải thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V số tiền: 450.000.000 đồng *(bốn trăm năm mươi triệu đồng).*

- Vào ngày 10 tháng 5 năm 2023 Công ty TNHH S Việt nam có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V số tiền trên, trước ngày 10/5/2023 Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V sẽ xuất hóa đơn tài chính cho Công ty TNHH S Việt Nam với số tiền bao gồm:

50% giá trị hợp đồng kinh tế mà Công ty TNHH S Việt Nam đã thanh toán là 1.029.215.000 đồng và số tiền còn lại là 450.000.000 đồng, tổng là 1.479.215.000 đồng *(một tỉ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng).*

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V phải chịu 11.000.000 đồng *(mười một triệu đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH S Việt Nam phải chịu 11.000.000 đồng *(mười một triệu đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 8.436.200 đồng *(tám triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm đồng)* tiền án án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố cấp sơ thẩm bác yêu cầu.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty TNHH S Việt Nam phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng).*

Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V đã nộp 25.000.000 đồng *(hai mươi lăm triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002313 ngày 18/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Hòa Bình. Nay được trừ đi, trả lại cho Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại V số tiền 14.000.000 đồng *(mười bốn triệu đồng).*

Công ty TNHH S Việt Nam phải chịu tổng số tiền án phí là 21.436.200 đồng *(hai mươi mốt triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm đồng),* Công ty TNHH S Việt Nam đã nộp 7.500.000 đồng (*bảy triệu, năm trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002344 ngày 06/9/2019 và 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005392 ngày 06/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Hòa Bình. Nay được trừ đi, Công ty TNHH S Việt Nam phải nộp tiếp số tiền 11.936.200 đồng *(mười một triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, hai trăm đồng).*

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải thực hiện thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 24/4/2023

Nơi nhận:
- *TAND cấp cao tại HN*

TÒA
- *VKSND cấp cao tại HN*
- *VKSND tỉnh Hòa Bình*
- *TAND H. G, tỉnh HB*
- *Chi cục THADS H. G, tỉnh HB*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lý Thị Đoàn